

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Võ P**

Bản án số: **100/2024/HSST**
Ngày: 26 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Tiến

Bà Nguyễn Thị Bích Lam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thanh Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 93/2024/HSST, ngày 06/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HS, ngày 12/9/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn S** (tên gọi khác: C); Giới tính: Nam; sinh năm 1988, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi thường trú: Thôn H 01, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận và chỗ ở: Thôn H 02, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: lao động biển; Cha: Nguyễn M (đã chết); mẹ: Lâm B; Anh, chị, em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1993; Vợ: Nguyễn H, đã ly hôn; Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn S bị áp dụng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” hiện đang tại ngoại ở thôn H 2, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại

Ông Đặng T, sinh năm 1989

Bà Nguyễn T, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: thôn V, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt).

Người làm chứng: Võ P, sinh năm 1995; Địa chỉ khu phố P, thị trấn C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2023, Nguyễn S, sinh năm 1988, trú tại thôn H 01, xã C, huyện Tuy Phong có làm ăn nuôi heo chung với vợ chồng ông Đặng T, sinh năm 1989 và bà Nguyễn T, sinh năm 1987 tại khu vực Ba Hạng thuộc thôn V, xã P,

huyện Tuy Phong. Nguyễn S cho rằng trong lúc làm chung bà Nguyễn T có mượn của Nguyễn S số tiền là 3.000.000 đồng, Nguyễn S bỏ tiền ra mua heo con để nuôi là 7.500.000 đồng, nhưng khi heo lớn bà Nguyễn T tự bán heo lấy tiền, không đưa lại tiền cho Nguyễn S nên bà Nguyễn T nợ Nguyễn S số tiền tổng cộng là 10.500.000 đồng, bà Nguyễn T nhiều lần hứa trả tiền cho Nguyễn S nhưng không thực hiện mà cố tình lẩn tránh không chịu trả.

Do trước đây Nguyễn S có đến chòi rẫy vợ chồng bà Nguyễn T tại Ba Họng và biết được vợ chồng bà Nguyễn T có nuôi dê nên nảy sinh ý định đến đây nếu gặp thì đòi nợ, không có người thì lấy dê đưa về nhà mình để khi vợ chồng bà Nguyễn T phát hiện mất dê sẽ gọi điện cho Nguyễn S, khi đó Nguyễn S yêu cầu bà Nguyễn T trả tiền nợ cho Nguyễn S, còn không trả thì Nguyễn S lấy số dê này.

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 19/12/2023, Nguyễn S và Võ P, sinh năm 1995, trú tại: khu phố P, thị trấn C, huyện Tuy Phong nhậu xong. Nguyễn S dùng điện thoại gọi 04 cuộc gọi nhưng bà Nguyễn T không bắt máy. Nguyễn S nói với Võ P đến chòi rẫy vợ chồng bà Nguyễn T để nhậu, sẵn để Nguyễn S đòi tiền bà Nguyễn T luôn thì Võ P đồng ý đi chung. Nguyễn S đưa xe mô tô biển số 86B1-475.63 cho Võ P cầm lái chờ Nguyễn S đến chòi rẫy vợ chồng bà Nguyễn T, khi đến thì chòi thấy đóng cửa không có người trông coi. Nguyễn S đi ra chuồng dê thấy nhốt tám con dê gồm 04 con lớn và 04 con dê con, Nguyễn S biết rõ đây là tài sản của vợ chồng bà Nguyễn T, Nguyễn S đến mở cửa chuồng dê để lừa dê đi ra. Nguyễn S lừa 08 con dê này ra đường đất, rồi tiếp tục lừa dê ra đường Quốc lộ 1A, khi thấy có 01 xe tải loại nhỏ chạy qua Nguyễn S vẫy cho xe ngừng lại thuê họ chở dê đưa về nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày 19/12/2023 bà Nguyễn T về nhà phát hiện mất trộm dê nên bà Nguyễn T đã làm đơn tố cáo đến cơ quan công an giải quyết, đồng thời bà Nguyễn T gọi điện hỏi Nguyễn S thì Nguyễn S cho biết đã đưa dê về nhà của Nguyễn S.

Theo kết luận định giá số 07/KL-HĐĐG ngày 28/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phong kết luận: 08 con dê còn sống gồm: 02 con dê cái trưởng thành màu trắng (đem cân thực tế trọng lượng 01 con nặng 26kg, 01 con nặng 36kg); 01 con dê cái trưởng thành màu trắng đốm (đem cân trọng lượng thực tế 32kg); 01 con dê đực trưởng thành màu trắng, đầu màu nâu (đem cân trọng lượng thực tế 45kg); 01 con dê đực nhỏ chưa trưởng thành thân màu trắng, đầu màu nâu (đem cân trọng lượng thực tế 7kg); 03 con dê cái nhỏ chưa trưởng thành màu trắng đen (đem cân trọng lượng thực tế 01 con nặng 8kg, 2 con còn lại mỗi con nặng 7kg). Tổng trọng lượng của 08 con dê là 168kg, trị giá: 70.000 đồng/kg $\times$ 168kg = 11.760.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số: 96/CT – VKSTP - HS, ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn S từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 đến 24 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn S xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Tuy Phong, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 11 giờ 00 phút ngày 19/12/2023 tại khu vực Ba Họng thuộc thôn V, xã P, huyện Tuy Phong, Nguyễn S đã lén lút lấy trộm 08 con dê (04 con dê trưởng thành, 04 con dê nhỏ) tổng trị giá 11.760.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Nhận biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn trộm cắp tài sản của người bị hại. Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh.

Bị cáo Nguyễn S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại đã làm đơn bãi nại nên bị cáo Nguyễn S nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo do lời khai của bị cáo tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, mâu thuẫn với lời khai của người bị hại và người làm chứng, do đó chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo ở mức hạn chế.

[4] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn S từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Xét thấy trong vụ án này bị cáo chỉ thành khẩn khai báo đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo, đối với hành vi của Võ P và Phước đi cùng với bị cáo thì bị cáo có những lời khai mâu thuẫn nhau tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, do đó

mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khi luận tội là chưa đủ sức răn đe đối với bị cáo.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo trên cơ sở cân nhắc các tình tiết của vụ án và nhân thân xét thấy rằng cần cách ly bị cáo Nguyễn S ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, đồng thời qua đó nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phong đã trả lại tài sản cho người bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét xử lý.

Đối với hành vi của Võ P và người có tên là Phước. Do chưa làm việc được với Phước nên Cơ quan điều tra đã tách vụ án để điều tra làm rõ, xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn S **06 (Sáu) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, bị hại. Báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Tòa án ND Tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo; bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu Hồ sơ

Lâm Thị Mỹ Kỳ